**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT PPCT: 36,37**

**BÀI 17. KINH TẾ HOA KỲ (TIẾT 3 + 4)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (nông nghiệp), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ.

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều**.**

**\* Năng lực đặc thù:**

*- Nhận thức khoa học địa lí:*

 + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp Hoa Kỳ.

 + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được sự phát triển và phân bố các ngành sản xuất của Hoa Kỳ.

 *- Tìm hiểu địa lí:*

 + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…

 + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

 *- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

 + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các ngành kinh tế Hoa Kỳ.

 + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các ngành kinh tế Hoa Kỳ.

**3. Phẩm chất:**

*- Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.

*- Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

*- Chăm chỉ:* Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*- Trung thực* trong học tập.

*- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

**3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:** HS nhận diện được một số ngành kinh tế nổi bật trong công nghiệp của Hoa Kỳ.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Các ngành kinh tế nào được đề cập đến qua video (hình ảnh) em được xem?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức đã được học và trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu hình ảnh (video), yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về ngành nông nghiệp**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành nông nghiệp.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành yêu cầu.

BẢNG 17.3. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CỦA HOA KỲ NĂM 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nông sản** | **Sản lượng** *(triệu tấn)* | **Xếp hạng trên thế giới** | **Nông sản** | **Sản lượng** *(triệu tấn)* | **Xếp hạng trên thế giới** |
| Thịt gia cầm | 20,4 | 1 | Lúa mì | 49,7 | 4 |
| Thịt bò | 12,3 | 1 | Ngô | 360,3 | 1 |
| Thịt lợn | 12,8 | 2 | Đậu tương | 112,5 | 1 |

*(Nguồn: FAO, 2022)*

**\* Nhóm 1:** Tìm hiểu tình hình phát triển chung của ngành nông nghiệp.

**\* Nhóm 2:** Tìm hiểu tình hình phát triển của ngành nông nghiệp.

**\* Nhóm 3:** Tìm hiểu tình hình phát triển của ngành lâm nghiệp.

**\* Nhóm 4:** Tìm hiểu tình hình phát triển của ngành thủy sản.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Nông nghiệp****\* Tình hình chung:**- Có nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa phát triển hàng đầu thế giới.- Xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới: đạt 143,2 tỉ USD (năm 2020). - Hình thức tổ chức sản xuât nông nghiệp chủ yếu là trang trại. **\* Một số ngành** **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số ngành nông nghiệp** | **Tình hình phát triển và phân bố** |
| Nông nghiệp | - Trồng trọt:+ Trồng trọt có sản lượng lớn. + Các cây trồng chủ yếu là: lúa mì, ngô, đậu tương, cây ăn quả,... + Là nước sản xuất ngô và đậu tương đứng đầu thế giới.- Chăn nuôi:+ Phát triển mạnh.+ Các vật nuôi chủ yếu là: gà, bò, lợn,... + Một số sản phẩm chăn nuôi có sản lượng lớn hàng đầu thế giới.- Phân bố: tập trung ở vùng phía nam Ngũ Hồ, ven vịnh Mê-hi-cô và ở đồng bằng Trung tâm,... |
| Lâm nghiệp | - Dẫn đầu thế giới về sản xuất gỗ tròn: hơn 400 triệu m2 (năm 2020)- Xuất khẩu gỗ hàng đầu thế giới. - Hoạt động trồng rừng được chú trọng phát triển. |
| Thủy sản | - Đánh bắt: Phát triển mạnh: đạt 4,3 triệu tấn (năm 2020). - Nuôi trồng: sản lượng còn thấp: 0,5 triệu tấn (năm 2020) nhưng đang có xu hướng tăng lên. |

**Em có biết?**Hoa Kỳ có khoảng 2,2 triệu trang trại (năm 2020). Có 98% trang trại của Hoa Kỳ được vận hành bởi các hộ gia đình, liên hộ gia đình hoặc tập đoàn gia đình. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu sự phân hóa lãnh thổ kinh tế**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

**\* Câu hỏi:** Trình bày sự phân hóa lãnh thổ kinh tế Hoa Kỳ.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **III. SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ KINH TẾ**Dựa vào các mục đích khác nhau. Hoa Kỳ có sự phân chia kinh tế theo những vùng khác nhau. Mỗi vùng có các đặc điểm nổi bật.

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng Đông Bắc | - Gồm các bang ở phía đông bắc Hoa Kỳ.- Là vùng có kinh tế phát triển sớm nhất của Hoa Kỳ, nổi bật với các ngành dệt, luyện kim, hóa chất, chế tạo máy, ô tô, đóng tàu.- Phát triển mạnh lâm nghiệp, cây ăn quả, rau xanh, chăn nuôi bò.- Các trung tâm kinh tế lớn: Niu Y-oóc, Bô-xtơn, Pít-xbớc,... |
| Vùng Trung Tây | - Gồm các bang ở phía bắc trung tâm Hoa Kỳ.- Nông nghiệp: Phía nam và đông nam Ngũ Hồ là các vành đai rau và chăn nuôi bò sữa. Đồng bằng Trung tâm có các vành đai ngô, lúa mì,...- Công nghiệp: Phía nam và đông nam Ngũ Hồ là các bang trọng điểm về công nghiệp chế biến (chế tạo ô tô và phương tiện vận tải khác, máy xây dựng, động cơ điện, chế biến nông sản,...) và công nghiệp khai khoáng.- Các trung tâm kinh tế lớn: Si-ca-gô, Đi-tơ-roi, Mi-nê-a-pô-lít,... |
| Vùng Nam | - Gồm các bang ở hạ lưu sông Mi-xi-xi-pi và ven vịnh Mê-hi-cô.- Công nghiệp: Nổi bật với các ngành khai thác và chế biến dầu khí, sản xuất máy bay, hàng không vũ trụ và điện tử.- Vùng Nam Nông nghiệp: Sản xuất các nông sản nhiệt đới và cận nhiệt đới (lúa gạo, đậu tương, bông, mía, cây ăn quả,...).- Các trung tâm kinh tế lớn: Hiu-xtơn, Niu Oóc-lin, Đa-lát, Át-lan-ta, Mem-phít. |
| Vùng Tây | - Gồm các bang ven Thái Bình Dương và các bang trong hệ thống Coóc-đi-e. Vùng này gồm cả bang A-lát-xca và bang Ha-oai.- Công nghiệp: Phát triển mạnh các ngành điện tử, công nghệ thông tin, hàng không vũ trụ, hóa chất, khai khoáng, thủy điện, điện hạt nhân. “Thung lũng Si-li-côn” (gần Xan Phran-xi-xcô) dẫn đầu trong ngành điện tử và intemet của thế giới.- Nông nghiệp: Phát triển mạnh trồng ngô, đậu tương, lúa gạo và cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc. Đây là vùng lâm nghiệp lớn nhất Hoa Kỳ.- Các trung tâm kinh tế lớn: Lốt An-giơ-lét, Xan Phran-xi-xcô, Xít-tơn,...- Bang A-lát-xca có hoạt động sản xuất chủ yếu là: khai thác dầu khí, đánh cá, khai thác gỗ, nuôi tuần lộc.- Bang Ha-oai có ngành kinh tế chính là du lịch, ngoài ra còn có trồng mía. |

 *(Nguồn: theo Cục Điều tra dân số Hoa Kỳ năm 2021)* **Em có biết?**Cục Điều tra dân số Hoa Kỳ năm 2021 phân chia thành 4 vùng: vùng 1 (Đông Bắc), vùng 2 (Trung Tây), vùng 3 (Nam), và vùng 4 (Tây). A-lát-xca và Ha-oai thuộc vùng 4. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:**

**Câu 1:** Nền kinh tế của Hoa Kỳ

**A.** đứng sau Trung Quốc. **B.** đứng đầu thế giới.

**C.** đứng sau Nhật Bản. **D.** lớn gấp nhiều lần EU.

**Câu 2:** Thuận lợi chủ yếu để phát triển kinh tế của Hoa Kỳ **không** phải là

**A.** tài nguyên thiên nhiên giàu có. **B.** nguồn lao động kĩ thuật dồi dào.

**C.** đất nước tránh được chiến tranh. **D.** phát triển từ nước tư bản lâu đời.

**Câu 3:** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

**A.** tỉ trọng trong GDP lớn nhất. **B.** số lượng lao động khá đông.

**C.** tốc độ tăng trưởng khá nhỏ. **D.** hàng hóa ít có sự đa dạng.

**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây không đặc trưng cho nền kinh tế Hoa Kỳ?

**A.** Nền kinh tế thị trường điển hình. **B.** Nền kinh tế chuyên môn hóa cao.

**C.** Nền kinh tế phụ thuộc thương mại. **D.** Nền kinh tế có quy mô lớn nhất.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động tài chính của Hoa Kỳ?

**A.** Có hàng nghìn tổ chức ngân hàng, tài chính.

**B.** Thu hút nhiều triệu lao động khắp đất nước.

**C.** Tạo ra rất nhiều lợi thế và các nguồn thu lớn.

**D.** Chỉ tập trung phát triển mạnh mẽ trong nước.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Khai thác thông tin (qua internet, sách báo,...) về một hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ mà em quan tâm (tài chính, công nghiệp điện tử - tin học, du lịch,...).

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

**Thông tin về một số ngành công nghiệp tiêu biểu ở Hoa Kỳ**

- Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, quốc phòng:

+ Là ngành đứng hàng đầu thế giới, thu hút gần 2 triệu lao động, đóng góp hơn 870 tỉ USD vào GDP, tổng giá trị hàng xuất khẩu của ngành này đạt hơn 90 tỉ USD (năm 2020).

+ Các sản phẩm nổi bật là máy bay, linh kiện, các loại vũ khí hiện đại,...

+ Ngành này phát triển mạnh ở các bang Oa-sinh-tơn, Ca-li-phoóc-ni-a; các bang ở phía nam như: Tếch-dát, Phlo-ri-đa và một số bang ở phía đông bắc.

- Ngành điện tử - tin học:

+ Là ngành tạo ra doanh thu lớn và thu hút lượng lao động với hơn 12 triệu việc làm ở Hoa Kỳ (năm 2020).

+ Các sản phẩm phần mềm, linh kiện điện tử và dịch vụ công nghệ của Hoa Kỳ cung cấp cho hầu hết thị trường các quốc gia trên thế giới.

+ Ngành này phân bố chủ yếu ở các bang như: Ô-ri-gơn, Ca-li-phoóc-ni-a, Tếch-dát ở phía nam và bang Ma-xa-chu-xét ở phía đông bắc,...

- Ngành công nghiệp hóa chất:

+ Là một trong những ngành sản xuất và xuất khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ.

+ Các sản phẩm của ngành chiếm hơn 15% thị trường toàn cầu.

+ Các bang vùng Đông Bắc phát triển mạnh về ngành này như Ô-hai-ô, I-li-noi, một số bang ở phía nam và ven Thái Bình Dương như Lu-si-a-na, Hiu-xtơn, Xan-Phran-xi-xcô,...

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và nêu suy nghĩ của bản thân.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.